

Số: /BC-THPTNT

Nà Tấu, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học phổ thông (THPT) Nà Tấu.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ.

Điện thoại: 02153951710

Website: <http://thptnatau.dienbien.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THPT công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tầm nhìn

Là một trường THPT mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành

Trường THPT Nà Tấu được thành lập vào ngày 30 tháng 8 năm 2004. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, trường ngày càng lớn mạnh, trở thành địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh - học sinh - nhân dân địa phương trong khu vực. Từ mái trường này, nhiều thế hệ giáo viên, học sinh đã và đang trưởng thành, tích cực đóng góp cho công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước. Trường THPT Nà Tấu nằm tại bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ với diện tích 21.828,0m², quy mô phát triển có 14 lớp với số lượng 583 học sinh.

Quá trình phát triển

Qua 20 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đảm bảo quy mô 14 lớp, với 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chất lượng giáo dục của trường ngày càng được củng cố, uy tín ngày càng được khẳng định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên tâm huyết, đoàn kết, yêu nghề. Ngay từ những ngày đầu thành lập nhà trường đã đặt mục tiêu chất lượng giáo dục là chiến lược hàng đầu.

Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và các ban ngành đoàn thể trong trường đủ về số lượng không ngừng nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo.

Trường THPT Nà Tấu ổn định với quy mô 14 lớp, tổng số 42 CBQL, giáo viên, nhân viên.

Tình hình học sinh qua các năm:

Số lớp học	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2025
Khối lớp 10	5	5	5	5	4
Khối lớp 11	4	5	5	5	5
Khối lớp 12	3	4	4	4	5
Cộng	12	14	14	14	14

Tình hình cán bộ giáo viên qua các năm:

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số GV	32	32	29	32	32
2	Tỉ lệ GV/lớp	2.7%	2.3%	2.1%	2.3%	2.3%
3	Tỉ lệ GV/HS	0.07%	0.06%	0.05%	0.05%	0.05%

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Đến nay sau 20 năm chi bộ đã có 31 đảng viên. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh

niên thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình.

Quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Nà Tấu luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên; Các thầy, cô trong Ban Giám đốc luôn động viên, chỉ đạo Ban giám hiệu nhà trường trong những lúc khó khăn. Thành ủy, UBND thành phố Điện Biên luôn quan tâm chỉ đạo chi bộ nhà trường trong công tác Đảng, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong thành phố phối hợp với nhà trường trong các hoạt động trên địa bàn thành phố.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Huy Văn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Trung Tâm, Nà Tấu, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0916729183

Email: huyvan1983@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THPT Nà Tấu chính thức được thành lập theo được thành lập ngày 30/8/2004 theo Quyết định số 57/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh Điện Biên. Đây là ngôi trường mới thành lập theo đề án xây dựng các trường THPT và PTDTNT THPT cấp huyện của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên năm 2004. Nhiệm vụ chính trị của nhà trường là đào tạo học sinh trung học phổ thông cho con em các dân tộc trên địa bàn huyện Điện Biên (xã Nà Tấu, Nà Nhạn, Mường Phăng) và huyện Mường Ảng (xã Mường Đăng, Ngồi Cáy).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 1220/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2023 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Nà Tấu nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ	Ghi chú
1	Nguyễn Huy Văn	Hiệu trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Chủ tịch	

2	Nguyễn Văn Khiêm	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Phó Chủ tịch	
3	Hà Thị Phương Liên	Thư ký	Trường THPT Nà Tấu	Thư ký	
4	Quàng Văn Trường	Phó Chủ tịch	UBND xã Nà Tấu	Thành viên	
5	Nguyễn Văn Tài	Đại diện	Hội CMHS	Thành viên	
6	Trần Ngọc Hùng	Chủ tịch CĐ	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
7	Lò Văn Hải	Bí thư ĐTN	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
8	Bùi Trọng Minh	Tổ trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
9	Vũ Đức Diện	Tổ trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
10	Trần Thị Quyên	Tổ trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
11	Phạm Thị Ngọc Tú	Tổ trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Hưng	Tổ trưởng	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	
13	Vũ Thị Cẩm Nhung	Học sinh	Trường THPT Nà Tấu	Thành viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 3060/QĐ-SGDĐT, ngày 09/10/2020 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2606 /QĐ-SGDĐT, ngày 30/9/2021 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc bổ nhiệm lại viên chức.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định 1002/QĐ-SGDĐT, ngày 07/8/2024 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường THPT Nà Tấu

Xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường;

bỏ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT Nà Tấu chính thức được thành lập ngày 30/8/2004 theo Quyết định số 57/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh Điện Biên. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THPT trọng điểm của địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

Trường THPT Nà Tấu là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Điện Biên.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ gồm 31 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 42 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có khoảng 400 đoàn viên với 15 chi đoàn thuộc.

+ Ban Đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 04 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Huy Văn	Hiệu trưởng	0916729183	huyvan1983@dienbien.edu.vn
2	Nguyễn Văn Khiêm	Phó Hiệu trưởng	0979268342	nguyenkhiemhk@gmail.com
3	Trần Viết Cần	Phó Hiệu trưởng	0915521022	tranvietcan83@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài

chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 366/KH-THPTNT ngày 30/12/2022 về Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Nà Tấu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 260/QĐ-THPTNT, ngày 01/10/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên THPT hạng I	0		0				
2	Giáo viên THPT hạng II	0						
3	Giáo viên THPT hạng III	32		32	32			
4	Thiết bị, thí nghiệm	1		1	1			
5	Giáo vụ	0		0	0			
6	Tư vấn học sinh	0		0	0			
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	0			
III.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							

1	Thư viện viên hạng IV	1		1	1			
2	Kế toán viên	1		1	1			
3	Văn thư viên trung cấp	1		1	1			
4	Cán sự thủ quỹ							
5	Y tế học đường	1		1				
IV.	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ							
1	Nhân viên Bảo vệ	2		2				2
2	Nhân viên Phục vụ	1		1				1

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 7 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

T T	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn (m²)
1	Trụ sở chính	Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	21828	
Tổng cộng			21.828,0	

* Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ² /học sinh)	35,4	39,1
2	Diện tích sàn/người học (m ² /học sinh)	1,12	1,29
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	18,8%	18,8%

4	Số đầu sách/môn học	918,7	859,7
5	Số bản sách/người học	20,85	21,57

2. Số lượng, hạng mục khôi phòng hành chính quản trị; khôi phòng học tập; khôi phòng hỗ trợ học tập; khôi phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khôi phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo yêu cầu

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

+ Căn cứ vào Điều 34, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường THPT Nà Tấu đã được Sở GD&ĐT tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024 - 2025 nhà trường tuyển sinh 5 lớp 10 với tổng số học sinh là

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	211	5	100	197	0
11	191	5	71	181	0
12	156	4	63	152	0
Toàn trường	558	14	234	530	0

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
10	235	0	27
11	196	1	14
12	160	1	12
Toàn trường	591	2	53

2. Thống kê kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp
Xếp loại hạnh kiểm

Khối lớp	Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	170	80.6	33	15.6	8	3.8	0	0
11	163	85.3	23	12	5	2.6	0	0
12	134	85.9	16	10.3	6	3.8	0	0
Toàn trường	467	83.9	72	12.6	19	3.4	0	0

Xếp loại học lực

Khối lớp	Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu		Kém		Tổng số HS
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	
10	13	6.2	83	39.3	105	49.8	10	4.7	0	0	211
11	19	9.9	106	55.5	66	34.6	0	0	0	0	191
12	9	5.8	80	51.3	67	42.9	0	0	0	0	156
Toàn trường	41	6.9	269	49.1	238	42.7	10	2.5	0	0	558

Có 10 học sinh có học lực chưa đạt, kiểm tra lại. Toàn trường không có học sinh ở lại lớp.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2022 - 2023: 100, Năm học 2023 - 2024: 150

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2023 - 2024: 150

Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, đại học, cao đẳng: Khoảng 15%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2024 theo QĐ số 1422/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ quyết định ban hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2024 - 2025;

Căn cứ quyết định ban hành giá dịch vụ dạy ôn tập lớp 12 năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 1011/TB-SGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-SGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo Điện Biên;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		1.814.315	
DỰ TOÁN GIAO (2)		6.977.750.000	1.013.040.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)			
DỰ TOÁN GIẢM CCTL (4)			
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)			
DỰ TOÁN CHI		6.979.564.315	1.013.040.000
1. Tiền lương		3.630.002.612	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		142.050.020	

3. Phụ cấp lương	2.488.606.278	
4. Các khoản đóng góp	1.051.635.279	
5. Tiền thưởng	42.354.000	
6. Phúc lợi tập thể	8.083.800	
7. Chi thu nhập tăng thêm	0	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	48.012.590	
9. Vật tư văn phòng	36.743.330	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	22.320.905	
11. Hội nghị	0	
12. Công tác phí	138.635.556	
13. Chi phí thuê mướn	13.484.000	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	95.250.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	130.550.806	
16. Chi khác	128.345.550	
17. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...	26.042.600	
18. Phụ cấp ưu đãi nghề (dạy học sinh khuyết tật)	0	
19. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	0	
20. Trợ cấp Tết thành phố	0	
21. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	21.895.000	
DỰ TOÁN CÒN LẠI	11.889.989	14.493.000
CHUYỂN SANG NĂM 2024	11.889.989	0
KINH PHÍ HUỖ	0	14.493.000

b) Nguồn dịch vụ:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Học phí	VS học đường	Dạy ôn tập lớp 12	Cho thuê căng tin	Ghi chú
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ						

2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ						
a	- Chi phí tiền lương, tiền công và						
	chi phí khác cho nhân viên						
b	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng						
c	- Chi phí khấu hao TSCĐ						
d	- Chi phí hoạt động khác						
e	- Chi phí thuế GTGT						
3	Chi phí tài chính						
4	Chi phí thuế TNDN						
5	Kết quả kinh doanh dịch vụ						

c) Nguồn khác:

- Tiền gửi:

TT	Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Còn lại
1	Lãi tiền gửi kho bạc			
	TỔNG CỘNG			

- Bảo hiểm y tế (KP CSSKBĐ)

Năm trước chuyển sang: 0 đồng

Tổng cấp: 0 đồng

Tổng chi: 0 đồng

+ Chi mua thuốc, DD sát khuẩn: 0 đồng.

+ Mua vật tư, đồ dùng y tế: 0 đồng.

+ Chi khác: 0 đồng.

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025 - 2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	138	25.107.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND		189.150.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	133	97.500.000	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	135	91.650.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH			
<i>Hỗ trợ học bổng</i>			
Học kỳ 1 năm học 2025-2026			
Học kỳ 2 năm học 2025-2026			
<i>Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập</i>			
Học kỳ 1 năm học 2025-2026			
Học kỳ 2 năm học 2025-2026			

3. Công khai các khoản thu năm học 2025 - 2026 và dự kiến 2 năm tiếp theo

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2025 - 2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 43/2023/NQ- HĐND
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học		
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng		Khối 12: 9 tháng Khối 10,11: 12 tháng

4	Dạy ôn tập học sinh lớp 12	đồng/học sinh		
II	Năm học 2026 - 2027			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học	...	
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
4	Dạy ôn tập học sinh lớp 12	đồng/học sinh	...	
III	Năm học 2027-2028			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học	70.000	
3	Dạy ôn tập học sinh lớp 12	đồng/học sinh	1.000.000	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		

II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng		
----	------------------------	------	--	--

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	42	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng		
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người		
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng		
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng		
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng		

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Học phí				
2	Dịch vụ vệ sinh				
3	Dạy ôn tập lớp 12				
4	Cho thuê căn tin				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Tiền lương		1.479.927.468	2.138.189.612	
	Lương hợp đồng theo chế độ		71.312.000	72.114.060	
	Phụ cấp lương		1.064.261.530	1.477.357.731	
	Các khoản đóng góp		458.176.960	608.120.814	
	Tiền thưởng		-		
	Phúc lợi tập thể		5.389.200	1.497.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng		14.895.703	13.132.482	
	Vật tư văn phòng		3.238.000	11.823.000	

	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		14.812.826	13.210.599	
	Công tác phí		75.941.596	68.286.000	
	Chi phí thuê mượn		8.300.000		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		61.930.000	92.727.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		20.146.920	34.317.710	
	Chi khác		20.125.800	45.535.000	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...		15.195.000	16.848.000	
2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				

Nơi nhận:

- Niêm yết Bảng tin;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Huy Văn